

Bản án số: 09/2025/KDTM-PT

Ngày: 24/4/2024

V/v “T/C hợp đồng cho thuê tài chính,
T/C hợp đồng tín dụng, T/C hợp đồng mua bán”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Phan Thị Hồng Dung**
- *Các thẩm phán:* Bà **Lê Thị Minh Trang**
Bà **Nguyễn Thị Thùy Trang**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Phạm Thị Hồng Chúc** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Ngọc Chúc** – Kiểm sát viên.

Ngày 17 và 24 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2024/TLPT-KDTM ngày 30 tháng 12 năm 2024 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng cho thuê tài chính, tranh chấp Hợp đồng tín dụng và tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137/2025/QĐXXPT-KDTM ngày 26 tháng 02 năm 2025.

Do Bản án sơ thẩm số 06/2024/KDTM.ST ngày 28/9/2024 của TAND quận T có kháng cáo, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:**

1. Công ty cho thuê tài chính trách nhiệm hữu hạn Q.

Địa chỉ: phường B, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Cheng, Yi-C**, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Diệp Yên B**, chức vụ: Trưởng phòng thu hồi công nợ.

Văn bản ủy quyền số 01.2023/GUQ-COL ngày 03/01/2023.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Anh **Nguyễn Minh K**, chức vụ: nhân viên thu hồi nợ tham gia tố tụng theo. Giấy ủy quyền số 294.2023/GUQ-COL ngày 24/5/2023 (có mặt).

Địa chỉ: phường B, quận 1, TP.Hồ Chí Minh.

2. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q (V).

Địa chỉ: phường H, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Đoàn Văn T**, Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: **Ngân hàng thương mại cổ phần B**.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Cao Nam G**, chức vụ: Tổng giám đốc.

Địa chỉ: phường P, quận , thành phố Hà Nội (Theo Hợp đồng ủy quyền số 171/2024/UQ.V-BAOVIETBANK ngày 29/3/2024).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Hoàng T1, ông Đinh Văn T2, ông Văn Ngân G1, ông Dương Văn T2.

Ông Đặng Hoàng T1 (có mặt).

Hiện đang công tác tại Ngân hàng thương mại cổ phần B – Chi nhánh C. Theo văn bản ủy quyền số 133A/2024/UQ-BVB-CT ngày 01/4/2024.

Địa chỉ: phường C, quận N, thành phố Cần Thơ.

* Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên K

Địa chỉ: Khu vực Thới Bình 1, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Huỳnh Thị T**, chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Xuân T** – Văn bản ngày 15/02/2025 (có mặt).

Địa chỉ: phường T, quận B, TP. Cần Thơ.

Địa chỉ liên lạc: phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Huỳnh Thị T**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

2. Ông **Nguyễn An K**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: huyện C, tỉnh An Giang.

Nơi đăng ký HKTT: P.3, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ liên hệ: phường H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền cho bà Thảo, ông Khương: Ông **Nguyễn Xuân T** – Văn bản ngày 15/02/2025.

3. Công ty trách nhiệm hữu hạn Xuất nhập khẩu T.

Đăng ký kinh doanh số 1801701658 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 20/4/2021, thay đổi lần 2 ngày 09/6/2022.

Địa chỉ: Phường T, Quận T, Thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Phan Thị Ngọc Đ**, chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Lâm Tấn N**, sinh năm 1980. Hợp đồng ủy quyền ngày 03/8/2023 (Có mặt).

Địa chỉ: phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

4. Ngân hàng thương mại cổ phần B (B Bank).

Địa chỉ: phường P, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện pháp luật: Ông **Lưu Quyết T**, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Tăng Thị Ngọc T**, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP B-Chi nhánh C

Văn bản ủy quyền số 480/2023/UQ-BVB ngày 01/02/2023.

Người đại diện ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Đặng Hoàng T1, ông Đinh Văn T2, ông Văn Ngân G1, ông Dương Văn T2.

Ông **Đặng Hoàng T1** (có mặt).

Hiện công tác tại Ngân hàng B - Chi nhánh C. Văn bản ủy quyền số 5492023/UC-BVB, ngày 30/8/2023.

Địa chỉ: phường C, quận N, thành phố Cần Thơ.

5. Công ty N (vắng mặt)

Địa chỉ: thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

6. Ông Huỳnh Hữu T, sinh năm 1984 (xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: khu vực Phúc Lộc 2, phường Thạnh Hoa, quận T, thành phố Cần Thơ.

7. Ông **Ngô Hữu P**, sinh năm 1972 (xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: huyện C, thành phố Cần Thơ.

8. Ông **Võ Chí T3**, sinh năm 1974;

Địa chỉ: phường T, quận T, thành phố Cần Thơ (xin xét xử vắng mặt).

Người kháng cáo: Công ty cho thuê tài chính trách nhiệm hữu hạn Quốc Tế C. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên K

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn yêu cầu tiếp tục giải quyết vụ án Công ty cho thuê tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên quốc tế C ngày 01/3/2024, bản tự khai, biên bản hòa giải đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Nguyễn Đình K trình bày:*

Do Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên K (gọi tắt là Công ty K) có nhu cầu sử dụng máy móc phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của mình và đề nghị Công ty cho thuê tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên quốc tế C (gọi tắt là Công ty C) tài trợ tài chính nên hai bên đã ký kết Hợp đồng cho thuê tài chính số C2207560C2 ngày 10/10/2022 (đã được giải quyết bằng bản án phúc thẩm số 27/2024/KDTM-PT ngày 30/7/2024) và số C2209487C2 ngày 10/11/2022 (sau đây gọi tắt là “Hợp đồng thuê”). Theo đó, tài sản mà Công ty K có nhu cầu thuê theo hợp đồng số C2209487C2 như sau:

Hợp đồng	Số thứ tự	Tên tài sản	Số lượng
C2209487C2	01	Bồ đài 800 (thuộc dây chuyền lau bóng gạo công suất 80-100 tấn/giờ)	03
	02	Băng tải 748m	01
	03	Cân tịnh gạo BDE-2007 - Công suất: 1000 bao/giờ (thuộc dây chuyền lau bóng gạo công suất 80-100 tấn/giờ)	01

Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán tiền thuê của Công ty K, Công ty C chấp nhận thư bảo lãnh thanh toán của cá nhân của bà Huỳnh Thị T và ông Nguyễn An K ký ngày 10/10/2022 và ngày 10/11/2022. Theo đó, trường hợp Công ty K không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê theo các Hợp đồng thuê, bà Huỳnh Thị T và ông Nguyễn An K cam kết sẽ thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê thay cho Công ty K.

Để thực hiện Hợp đồng thuê nêu trên, Công ty C đã ký Hợp đồng mua bán số C2209487C2-PC ngày 10/11/2022 với Công ty K để mua các tài sản nêu trên và cho Công ty K thuê lại chính tài sản này. Đây là hình thức mua cho thuê lại theo quy định của pháp luật về cho thuê tài chính. Công ty K đã ký vào Giấy chứng nhận nghiệm thu tài sản thuê vào ngày 11/11/2022. Hợp đồng thuê được cấp Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm vào ngày 14/11/2022.

Tổng giá trị của tài sản thuê, số tiền mà Công ty K đã trả trước (“tiền trả trước”), số tiền mà Công ty C tài trợ (“Giá trị thuê”) và thời hạn thuê tài chính là của hợp đồng cho thuê cụ thể như sau (đơn vị tính: Việt Nam đồng):

Hợp đồng thuê	Hạn thuê	Tổng giá trị tài sản thuê	Tiền trả trước	Giá trị thuê
C2209487C2	60 tháng	6.425.000.000	1.092.250.000	5.332.750.000

Hằng tháng, Công ty K phải thanh toán cho Công ty C tiền thuê bao gồm một phần vốn gốc và khoản tiền lãi được tính trên dư nợ giảm dần cho đến khi

trả đủ số tiền vốn gốc mà Công ty C đã tài trợ cùng các khoản lãi theo hợp đồng thuê. Trước khi Công ty K trả hết toàn bộ vốn gốc cùng các khoản lãi, Công ty C vẫn là chủ sở hữu của tài sản thuê và là người đứng tên trên toàn bộ các hóa đơn, chứng từ, các giấy tờ pháp lý khác liên quan đến quyền sở hữu đối với tài sản thuê. Căn cứ theo các quy định pháp luật hiện hành và Điều 26 của Hợp đồng thuê, nếu Công ty K vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền thuê, hay vi phạm bất cứ một điều khoản hoặc điều kiện nào của Hợp đồng thuê, hay bị mất khả năng thanh toán, Công ty Chilease đều có quyền chấm dứt Hợp đồng thuê trước thời hạn, thu hồi tài sản thuê và yêu cầu Công ty K bồi thường thiệt hại (nếu có).

Lãi suất thuê là lãi suất thả nổi được tính dựa trên lãi suất tiêu chuẩn VND của Công ty C cộng với biên độ quy định chi tiết trong thông báo bắt đầu thuê, tuân thủ đúng quy định pháp luật về lãi suất áp dụng cho hoạt động cho thuê tài chính tại Việt Nam. Cụ thể theo từng Hợp đồng thuê như sau:

Hợp đồng thuê	Biên độ	Mức lãi suất tại ngày bắt đầu thuê
C2209487C2	6.81%/năm	13.81%/năm

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng thuê, Công ty K đã thanh toán cho Công ty C đến kỳ thanh toán tháng 12/2022, đến kỳ thuê tháng 01/2023 thì Công ty K đã ngưng thanh toán, mặc dù Công ty C đã nhiều lần liên lạc cũng như làm việc trực tiếp với Công ty K để yêu cầu thanh toán.

Do Công ty K đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thanh toán tiền thuê quy định tại Điều 26 của Hợp đồng thuê, nên ngày 03/4/2023, Công ty C đã phát hành thông báo chấm dứt hợp đồng thuê và thu hồi Tài sản thuê số 02.2023/TB-KT, yêu cầu Công ty K thanh toán tổng số tiền còn thiếu theo hợp đồng thuê tính đến ngày 05/4/2023 (ngày chính thức chấm dứt Hợp đồng thuê) là 6.947.073.969 đồng (*Sáu tỷ, chín trăm bốn mươi bảy ngàn, không trăm bảy mươi ba ngàn, chín trăm sáu mươi chín đồng*).

Tại đơn yêu cầu tiếp tục giải quyết vụ án ngày 01/3/2024 và bản tự khai ngày 28.9.2024 Nguyên đơn Công ty C yêu cầu Tòa buộc Công ty K thanh toán cho Công ty C số tiền thuê còn nợ tạm tính đến ngày 28.9.2024 đối với hợp đồng thuê số C2209487C2 là 7.431.042.156 đồng, bao gồm: Nợ gốc là: 4.813.981.580 đồng. Nợ lãi tính đến ngày chấm dứt Hợp đồng thuê 05/4/2023 là 1.811.842.389 đồng. Nợ lãi quá hạn từ ngày 05/4/2023 đến 28/9/2024 là 805.218.187 đồng.

Buộc Công ty K thanh toán cho Công ty C tiền lãi phát sinh từ ngày 29/9/2024 tính trên nợ gốc với mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong Hợp đồng cho thuê tài chính cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Trường hợp Công ty K không thanh toán đầy đủ số tiền nêu trên, buộc Công ty K bàn giao tài sản thuê để thanh lý (*tài sản thuê theo hợp đồng thuê số C2207560C2 như đã nêu ở phần trên*), căn trừ vào số tiền thuê Công ty K còn nợ. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thuê nêu trên không đủ để căn trừ nợ, buộc Công ty K có trách nhiệm thanh toán tiếp số tiền còn thiếu.

Trường hợp Công ty K không thanh toán đầy đủ khoản tiền nợ nêu trên, buộc người bảo lãnh là bà Huỳnh Thị T và ông Nguyễn An K có trách nhiệm thanh toán cho Công ty C cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền còn nợ.

** Nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q (gọi tắt là V) có đại diện theo ủy quyền trình bày tại bản tự khai ngày 28/9/2024, biên bản hòa giải như sau:*

Ngân hàng thương mại cổ phần Bảo Việt (gọi tắt Ngân hàng Bảo Việt) và Công ty K đã ký kết Hợp đồng tín dụng, cụ thể:

Hợp đồng tín dụng số 0035-2022-HĐTD1-BVB026 ngày 10/3/2022, hạn mức vay 7.600.000.000 đồng; phương thức cho vay từng lần, thời hạn hạn mức 72 tháng, lãi suất quy định rõ tại từng khế ước nhận nợ; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, mục đích cho vay để thanh toán và/hoặc bù đắp chi phí máy móc thiết bị.

Hợp đồng tín dụng số 0272-2022-HĐTD1-BVB026 ngày 19/10/2022, hạn mức vay 7.900.000.000 đồng; phương thức cho vay từng lần, thời hạn hạn mức 72 tháng, lãi suất quy định rõ tại từng khế ước nhận nợ; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, mục đích cho vay để thanh toán và/hoặc bù đắp chi phí máy móc thiết bị.

Hợp đồng tín dụng số 0192-2021-HĐTD1-BVB026 ngày 08/9/2021, hạn mức vay 20.000.000.000 đồng; phương thức cho vay từng lần, thời hạn hạn mức 72 tháng, lãi suất quy định rõ tại từng khế ước nhận nợ; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, mục đích cho vay thanh toán chi phí mua máy móc thiết bị phục vụ cho nhà máy chế biến gạo hoặc bù đắp chi phí mua máy móc thiết bị phục vụ cho nhà máy chế biến lúa gạo.

*Các tài sản đảm bảo cho khoản vay là dây chuyền máy móc, thiết bị, phục vụ cho nhà máy chế biến lúa gạo theo các **Hợp đồng thế chấp số 1242679.A.22.HĐTC.CT ngày 10/3/2022, Hợp đồng thế chấp số 1242679.B.22.HĐTC.CT ngày 19/10/2022, Hợp đồng thế chấp số 1242679.A.21.HĐTC.CT ngày 08/9/2021** và được ghi nhận tại Biên bản hòa giải lập ngày 29/5/2024 gồm 27 tài sản (BL 610, 611, 612, 613) tất cả các tài sản đều đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ theo các phiếu yêu cầu đăng ký biện pháp bảo đảm tại Trung Tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hồ Chí Minh.*

Theo hợp đồng cho thuê tài chính số C2209487C2-PC, ngày 10/11/2022 mà Công ty C cho Công ty K thuê, thì toàn bộ tài sản này đã thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng Bảo Việt.

Các tài sản có địa chỉ tại tỉnh lộ 852, ấp Tân Lập, xã Tân Quy Tây, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty K đã vi phạm nghĩa vụ, không thanh toán nợ cho Ngân hàng Bảo Việt, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở tạo điều kiện để Công ty K thanh toán nợ.

Tạm tính đến ngày 28/9/2024, Công ty K còn nợ số tiền: 30.911.352.122 đồng (Bằng chữ: *ba mươi tỷ chín trăm mười một triệu ba trăm năm mươi hai ngàn một trăm hai mươi hai đồng*), trong đó: Dư nợ gốc quá hạn **25.414.062.145 đồng**; Lãi trong hạn 591.237.094 đồng; Lãi quá hạn 4.839.511.418 đồng; Lãi chậm trả lãi: 66.541.466 đồng và yêu cầu Tòa buộc Công ty K thanh toán ngay cho V tổng số tiền tạm tính đến ngày 28/9/2024 là **30.911.352.122 đồng**.

Trong thời gian chưa thanh toán nợ, Công ty K còn phải tiếp tục trả cho V số tiền lãi, lãi chậm trả theo mức lãi suất thỏa thuận và các chi phí quy định tại Hợp đồng tín dụng số 0035-2022-HĐTD1-BVB026 ngày 10/03/2022; số 0272-2022-HĐTD1-BVB026 ngày 19/10/2022; số 0192-2021-HĐTD1-BVB026 ngày 08/09/2021 kể từ ngày 29/9/2024 cho đến ngày Công ty K thanh toán hết các nghĩa vụ cho V.

Trường hợp kể từ ngày Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực mà Công ty K không thanh toán đầy đủ khoản nợ cho V, thì V có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mãi các tài sản thế chấp trên để thu hồi khoản nợ.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/ xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Công ty K đối với V. Nếu số tiền thu được từ việc bán/ xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Công ty K vẫn phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho V.

** Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên K (gọi tắt là Công ty K) tại bản tự khai, biên bản hòa giải trình bày:*

- Đối với yêu cầu của Nguyên đơn Công ty C:

Công ty K thừa nhận có vay tiền của Công ty C, nhưng về hình thức thì hai bên ký Hợp đồng cho thuê tài chính, hợp đồng cho thuê tài chính thể hiện tại 04 hợp đồng như sau:

Hợp đồng mua bán tài sản số C2207560C2-PC ngày 10.10.2022, hợp đồng cho thuê tài chính số: C2207560C2 ngày 10.10.2022 (*đối với hai hợp đồng này đã được Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo bản án số 27/2024/KDTM-PT ngày 30/7/2024, nên không đề cập đến*). Hợp đồng mua bán tài sản số C2209487C2-PC ngày 10.11.2022 và Hợp đồng cho thuê tài chính số

C22209487C2 ngày 10.11.2022. Tài sản mua bán là hệ thống dây chuyền xay xát chế biến lúa gạo thuộc sở hữu của Công ty K (có Phụ lục kèm theo hợp đồng).

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty K thực nhận Công ty C, theo Hợp đồng số C22209487C2 với số tiền là 4.760.918.139 đồng, nhận bằng hình thức nhận chuyển khoản sau khi trừ đi các khoản như: 321.250.000 đồng (*tiền ký quỹ*), 159.138.148 đồng (*tiền trả trước 01 kỳ*), 91.443.713 đồng (*tiền trả nợ kỳ 02*). Sau đó do Công ty K gặp khó khăn trong kinh doanh nên ngưng thanh toán cho đến nay.

Do vậy hiện Công ty K còn nợ Công ty C số tiền tổng cộng là **4.760.918.139 đồng** và Bị đơn đồng ý trả lại số nợ này, không đồng ý trả các khoản tiền lãi do tài sản thuê hiện do Công ty Thanh T trực tiếp quản lý, sử dụng thì Công ty Thanh T có nghĩa vụ trả và đề nghị Nguyên đơn nhận tài sản thuê để khấu trừ số nợ này.

Không đồng ý dùng tài sản cá nhân của người bảo lãnh bà Huỳnh Thị T và ông Nguyễn An K để thanh toán cho Công ty C trong trường hợp Công ty K không có khả năng thanh toán cho Công ty C.

- Đối với yêu cầu của Nguyên đơn V:

Hiện tại Công ty K còn nợ Ngân hàng Bảo Việt số tiền nợ gốc **24.137.000.000 đồng**. Do đó, chỉ đồng ý trả cho Ngân hàng Bảo Việt nay là V số tiền nợ gốc 24.137.000.000 đồng; Đối với yêu cầu trả lãi của V thì phía Bị đơn không đồng ý, vì Công ty K đã bàn giao máy móc, thiết bị cho Công ty Thanh T sử dụng nên phía Công ty Thanh T phải có nghĩa vụ trả nợ lãi cho V.

- Đối với yêu cầu độc lập của Công ty Thanh T:

Công ty K đề xuất hai bên tiếp tục thực hiện theo 02 văn bản thỏa thuận ngày 15/02/2023 và Vi bằng số 06/2023/VB-TPLSĐ ngày 28/02/2023, Vi bằng số 19/2023/VB-TPLSĐ ngày 06/4/2023 về quyền chuộc lại tài sản đã bán, theo đó Công ty Thanh T và bà Ngọc Đựng thanh toán toàn bộ khoản nợ của Công ty K tại Ngân hàng Bảo Việt bao gồm toàn bộ nợ gốc và lãi, Công ty K sẽ thực hiện nghĩa vụ bàn giao toàn bộ tài sản trên mặt pháp lý cho Công ty Thanh T, danh sách tài sản trên đất căn cứ vào danh sách tài sản được ghi nhận theo Hợp đồng thế chấp tại Ngân hàng Bảo Việt, *không bao gồm tài sản của Công ty C*. Công ty K yêu cầu giữ nguyên quyền được chuộc lại tài sản theo văn bản thỏa thuận vì mục đích thỏa thuận này là để cơ cấu nợ cho Công ty K chứ không phải mục đích bán tài sản, trong thời gian thực hiện Văn bản thỏa thuận Công ty Thanh T được toàn QSD các tài sản theo danh sách tài sản được ghi nhận tại Hợp đồng thế chấp tại Ngân hàng Bảo Việt.

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty trách nhiệm hữu hạn Xuất nhập khẩu T (sau đây gọi tắt là Công ty Thanh T) có đại diện theo ủy quyền ông Lâm Tấn N trình bày:*

Công ty Thanh T có yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án giải quyết các vấn đề sau đây:

Tuyên bố vô hiệu các Hợp đồng mua bán tài sản gồm:

- Hợp đồng mua bán tài sản số **01/HDMB-KT-TT** ngày 06/03/2023 ký kết giữa Công ty K và Công ty Thanh T;
- Hợp đồng mua bán tài sản số **02/HDMB-KT-TT** ngày 06/03/2023 ký kết giữa Công ty K và Công ty Thanh T;
- Hợp đồng mua bán tài sản số **03/HDMB-KT-TT** ngày 06/03/2023 ký kết giữa Công ty K và Công ty Thanh T;

Buộc Công ty K hoàn trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Xuất nhập khẩu T số tiền 20.563.000.000 đồng (*Hai mươi tỷ, năm trăm sáu mươi ba triệu đồng*), sau khi hoàn trả xong thì Công ty Thanh T có trách nhiệm bàn giao lại tài sản cho Công ty K theo danh mục tài sản của các hợp đồng bị vô hiệu.

Trường hợp Công ty K chưa thực hiện xong nghĩa vụ hoàn trả tiền thì Công ty Thanh T sẽ bàn giao tài sản cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt/Cơ quan Thi hành án khi có yêu cầu để tổ chức xử lý tài sản bảo đảm thu hồi nợ cho Ngân hàng. Số tiền thu được từ việc bán tài sản nêu trên ưu tiên thanh toán nợ cho Ngân hàng, nếu còn dư thì hoàn trả cho Công ty Thanh T. Trường hợp số tiền từ việc bán tài sản nêu trên không đủ thanh toán cho Công ty Thanh T thì Công ty K vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ cho đến khi hết nợ.

Đối với yêu cầu thỏa thuận của Công ty K đề xuất hai bên tiếp tục thực hiện theo 02 văn bản thỏa thuận ngày 15/02/2023 và Vi bằng số 06/2023/VB-TPLSĐ ngày 28/02/2023, Vi bằng số 19/2023/VB-TPLSĐ ngày 06/4/2023 thì phía Công ty Thanh T sẽ ghi nhận ý kiến và sẽ trả lời sau.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Huỳnh Hữu T, ông Võ Chí T3, ông Ngô Hữu P trình bày tại Văn bản trình bày ý kiến ngày 15/7/2024 như sau:*

Trước đây có cùng Công ty Thanh T lập văn bản thỏa thuận về quyền ưu tiên mua lại tài sản đã bán vào ngày 15/02/2023 với Công ty K, việc mua bán được giao kết theo các Hợp đồng mua bán tài sản 01,02,03/HDMB-KT-TT ngày 06/3/2023. Do không còn nhu cầu tiếp tục mua tài sản là máy móc thiết bị và xác định việc thỏa thuận giữa các bên đã chấm dứt, quyền lợi giữa ông Phát, ông Thiện, ông Tâm với Công ty Thanh T, Công ty K không bị ảnh hưởng nên không yêu cầu, không liên quan đến tranh chấp. Đồng thời thống nhất với ý kiến trình bày của Công ty Thanh T tại các buổi hòa giải và đề nghị được vắng mặt khi Tòa mời tham gia tố tụng và xét xử vụ án.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty N:*

Sau khi thực hiện việc xem xét thẩm định tại chỗ đối với các tài sản và theo trình bày của đại diện Công ty C và Công ty K thừa nhận có một phần tài sản cho thuê nằm bên kho của Công ty Loan Nguyên, Tòa cũng đã ra thông báo đề nghị tham gia tố tụng đối với Công ty Loan Nguyên nhưng không nhận được phản hồi

và không có ý kiến liên quan đến nội dung trên và cũng không đến Tòa tham gia giải quyết vụ án theo Giấy triệu tập.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với các tài sản Công ty K thuê của Công ty C, Công ty K thế chấp cho Ngân hàng Bảo Việt và Công ty K mua bán tài sản với Công ty Thanh T. Qua thẩm định thực tế thì tất cả tài sản đặt tại địa chỉ tỉnh lộ 852, ấp Tân Lợi B, xã Tân Quy Tây, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, đại diện V cho rằng tất cả tài sản đều thuộc tài sản thế chấp cho Ngân hàng Bảo Việt hiện vẫn còn đầy đủ như tại thời điểm đăng ký thế chấp; đại diện Công ty Thanh T cho rằng tất cả tài sản mà Công ty Thanh T thực hiện Hợp đồng mua bán với Công ty K đều là tài sản đã thế chấp trước cho Ngân hàng Bảo Việt và hiện tại vẫn còn đầy đủ số lượng và chủng loại; Công ty K thống nhất với V tất cả tài sản đã thế chấp cho Ngân hàng Bảo Việt hiện tại vẫn đầy đủ số lượng và chủng loại; Công ty C cho rằng qua kiểm tra thực tế tài sản cho thuê chỉ có 01 Bò đái 800, 01 băng tải 748 mét hiện do Công ty Thanh T đang quản lý, còn 02 Bò đái 800 và 01 cần tịnh gạo 1000 bao/giờ không nằm ở kho của Công ty Thanh T mà nằm ở kho Nguyên Loan của Công ty N liền kề với kho của Công ty Thanh T và Công ty K thống nhất với ý kiến này của đại diện Công ty C.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Công ty C trình bày:

Công ty C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với Hợp đồng thuê C2209487C2 ngày 10/11/2022, đề nghị Hội đồng xét xử buộc Công ty K trả cho Công ty C tổng số tiền 7.431.042.156 đồng, trong đó số tiền nợ gốc: 4.813.981.580 đồng (đã trừ tiền ký quỹ vào nợ gốc 321.250.000 đồng), lãi trong hạn đến ngày chấm dứt hợp đồng thuê 05/4/2023 là 1.811.842.389 đồng và lãi quá hạn tính từ ngày 05/4/2023 đến ngày 28/9/2024 là 805.218.187 đồng, cùng với số tiền lãi phát sinh tính từ ngày 29/9/2024 trên dư nợ gốc với mức lãi suất quá hạn thỏa thuận theo hợp đồng cho thuê đã ký cho đến khi thanh toán dứt nợ gốc cho Công ty C.

Trường hợp Công ty K không thanh toán đầy đủ số tiền nêu trên, buộc Công ty K bàn giao Tài sản thuê để thanh lý, cần trừ vào số tiền thuê Công ty K còn nợ. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thuê nêu trên không đủ để cần trừ nợ, buộc Công ty K có trách nhiệm thanh toán tiếp số tiền còn thiếu.

Trường hợp Công ty K không thanh toán đầy đủ khoản tiền nợ nêu trên, buộc Người bảo lãnh là bà Huỳnh Thị T và ông Nguyễn An K có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Công ty C cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền còn nợ.

- *Đại diện Nguyên đơn V trình bày:*

Buộc Công ty K thanh toán ngay cho V tổng số tiền tạm tính đến ngày 28/9/2024 là: 30.911.362.122 đồng, trong đó gồm nợ gốc, lãi, lãi quá hạn, lãi phạt chậm trả như trình bày tại bản tự khai 28/9/2024.

Trong thời gian chưa thanh toán nợ, Công ty K còn phải tiếp tục trả cho V số tiền lãi, lãi chậm trả theo mức lãi suất thỏa thuận và các chi phí quy định tại Hợp đồng tín dụng số 0035-2022-HĐTD1-BVB026 ngày 10/03/2022; số 0272-2022-HĐTD1-BVB026 ngày 19/10/2022; số 0192-2021-HĐTD1-BVB026 ngày 08/09/2021, kể từ ngày 29/9/2024 cho đến ngày Công ty K thanh toán hết các nghĩa vụ cho V.

Trường hợp kể từ ngày Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực mà Công ty K không thanh toán đầy đủ khoản nợ cho Công ty V, thì V có quyền yêu cầu phát mãi các tài sản thế chấp trên để thu hồi khoản nợ.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/ xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Công ty K đối với V. Nếu số tiền thu được từ việc bán/ xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Công ty K vẫn phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho V.

Đồng thời để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho V, đề nghị Tòa án giao toàn bộ tài sản thế chấp theo danh mục trong các Hợp đồng bảo đảm cho V quản lý cho đến khi xử lý xong khoản nợ của Công ty K tại ngân hàng Bảo Việt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Thanh T trình bày:*

Tuyên bố vô hiệu các Hợp đồng mua bán tài sản gồm:

+ Hợp đồng mua bán tài sản số 01/HDMB-KT-TT ngày 06/03/2023 ký kết giữa Công ty K và Công ty Thanh T;

+ Hợp đồng mua bán tài sản số 02/HDMB-KT-TT ngày 06/03/2023 ký kết giữa Công ty K và Công ty Thanh T;

+ Hợp đồng mua bán tài sản số 03/HDMB-KT-TT ngày 06/03/2023 ký kết giữa Công ty K và Công ty Thanh T;

Buộc Công ty K hoàn trả cho Công ty Thanh T số tiền 20.563.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai mươi tỷ, năm trăm sáu mươi ba triệu đồng*), sau khi hoàn trả xong thì Công ty Thanh T có trách nhiệm bàn giao lại tài sản cho Công ty K theo danh mục tài sản của các hợp đồng bị vô hiệu.

Trường hợp Công ty K chưa thực hiện xong nghĩa vụ hoàn trả tiền thì Công ty Thanh T yêu cầu được tiếp tục quản lý tài sản cho đến khi Công ty K tắt toán nợ cho Công ty Thanh T.

- *Bị đơn Công ty K trình bày:*

+ Đối với yêu cầu của Nguyên đơn Công ty C: Công ty K thống nhất số tiền nợ gồm: gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn tạm tính đến ngày 28/9/2024 và đồng ý trả cho Nguyên đơn Công ty C số tiền là: 7.431.042.156 đồng và số tiền lãi

phát sinh từ ngày 29/9/2024 tính trên nợ gốc với mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong các hợp đồng cho thuê tài chính cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Đồng ý bàn giao tài sản thuê để thanh lý, cần trừ vào số tiền thuê của Công ty K còn nợ.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thuê không đủ để cán trừ nợ thì Công ty K đồng ý có trách nhiệm thanh toán tiếp cho Công ty C. Đồng ý dùng tài sản cá nhân của người bảo lãnh bà Huỳnh Thị T và ông Nguyễn An K để thanh toán cho Công ty C trong trường hợp Công ty K không có khả năng thanh toán cho Công ty C.

+ Đối với yêu cầu của Nguyên đơn V: Công ty K không thống nhất số nợ gốc còn nợ V và cho rằng quá trình thực hiện hợp đồng với Ngân hàng Bảo Việt đã nhiều lần chuyển trả với tổng số tiền 20.563.000.000 đồng, về tiền lãi thống nhất với V tạm tính đến ngày 28/9/2024 nhưng không đồng ý có trách nhiệm trả nợ lãi, vì Công ty K đã bàn giao máy móc, thiết bị cho Công ty Thanh T sử dụng nên phía Công ty Thanh T phải có nghĩa vụ trả nợ lãi cho V.

+ Đối với yêu cầu độc lập của Công ty Thanh T:

Công ty K đề xuất hai bên tiếp tục thực hiện theo 02 văn bản thỏa thuận ngày 15/02/2023 và Vi bằng số 19/2023/VB-TPLSD ngày 06/3/2023 về quyền chuộc lại tài sản đã bán, theo đó Công ty Thanh T và bà Phan Thị Ngọc Đ thanh toán toàn bộ khoản nợ của Công ty K tại Ngân hàng Bảo Việt bao gồm toàn bộ nợ gốc và lãi, Công ty K sẽ thực hiện nghĩa vụ bàn giao toàn bộ tài sản trên mặt pháp lý cho Công ty Thanh T, danh sách tài sản trên đất căn cứ vào danh sách tài sản được ghi nhận theo Hợp đồng thế chấp tại Ngân hàng Bảo Việt, không bao gồm tài sản của Công ty C. Công ty K yêu cầu giữ nguyên quyền được chuộc lại tài sản theo văn bản thỏa thuận vì mục đích thỏa thuận này để cơ cấu nợ cho Công ty K chứ không phải mục đích bán tài sản, trong thời gian thực hiện văn bản thỏa thuận Công ty Thanh T được toàn QSD các tài sản theo danh sách tài sản được ghi nhận tại hợp đồng thế chấp tại Ngân hàng Bảo Việt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Huỳnh Hữu T, ông Võ Chí T3, ông Ngô Hữu P đều vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.*

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty N vắng mặt không rõ lý do.*

Tại bản án số 06/2024/KDTM.ST ngày 28/9/2024 của TAND quận T tuyên xử:

1. Công nhận sự thỏa thuận của Nguyên đơn Công ty cho thuê tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Chailease với Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên K.

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên K có trách nhiệm thanh toán cho Công ty cho thuê tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Chailease số tiền tạm tính đến ngày 28/9/2024 là **7.431.042.156** đồng. Trong đó: nợ gốc

4.813.981.580 đồng, nợ lãi trong hạn 1.811.842.389 đồng, nợ lãi quá hạn 805.218.187 đồng. Bị đơn còn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn trên dư nợ gốc theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tính từ ngày 29/9/2024 cho đến khi Bị đơn thanh toán xong khoản nợ gốc cho Nguyên đơn.

Trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên K không có khả năng thanh toán số tiền nêu trên, thì đề nghị Chi cục thi hành án dân sự theo thẩm quyền kê biên phát mãi tài sản thuê là 01 Bò đai 800, băng tải 748m để thu hồi nợ cho Nguyên đơn Công ty C. Việc phát mãi tài sản thuê chỉ được thực hiện sau khi Công ty K hoàn thành nghĩa vụ thanh toán nợ cho Nguyên đơn V.

Trong trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên K không thanh toán được số tiền nợ còn lại sau khi đã thanh lý tài sản thuê thì bà Huỳnh Thị T, ông Nguyễn An K là Bên bảo lãnh có nghĩa vụ thay Bên được bảo lãnh là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên K thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trong Hợp đồng cho thuê tài chính số C2209487C2, ngày 10/11/2022 theo thỏa thuận ký kết.

Đối với tài sản thuê gồm 02 Bò đai 800 và Cân tịnh gạo BDE-2007, công suất 1000bao/giờ Công ty K và Công ty C, đề nghị Chi cục thi hành án dân sự theo thẩm quyền kê biên phát mãi để thu hồi nợ cho Công ty C. Trường hợp có phát sinh tranh chấp sẽ được tách giải quyết thành vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q (V).

Buộc Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên K có trách nhiệm thanh toán cho Nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q với tổng số tiền tạm tính đến ngày **28/9/2024 là 30.911.352.122** đồng. Trong đó: nợ gốc 25.414.062.145 đồng, lãi trong hạn 591.237.093 đồng, lãi quá hạn 4.839.511.418 đồng và lãi chậm trả lãi 66.541.466 đồng, bị đơn còn phải tiếp tục chịu số tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tính từ ngày 29/9/2024 đến khi tất toán nợ cho V.

Trường hợp Bị đơn không có khả năng thanh toán số nợ trên, thì Nguyên đơn có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 1242679.A.22.HĐTC.CT ngày 10/3/2022, Hợp đồng thế chấp số 1242679.B.22.HĐTC.CT ngày 19/10/2022, Hợp đồng thế chấp số 1242679.A.21.HĐTC.CT ngày 08/9/2021 để thu hồi nợ cho nguyên đơn V. (Danh mục tài sản thế chấp ghi nhận tại Điều 2 của Hợp đồng thế chấp)

Nếu số tiền phát mãi tài sản thế chấp không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên K phải có nghĩa vụ tiếp tục trả số tiền nợ còn lại cho nguyên đơn V đến khi tất toán toàn bộ khoản nợ vay.

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty trách nhiệm hữu hạn Xuất nhập khẩu T.

Tuyên bố hợp đồng mua bán số 01/HĐMB-KT-TT ngày 06/3/2023; số 02/HĐMB-KT-TT ngày 06/3/2023; số 03/HĐMB-KT-TT ngày 06/3/2023 được ký kết giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên K với Công ty trách nhiệm hữu hạn Xuất nhập khẩu T là vô hiệu.

Buộc Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên K có trách nhiệm thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Xuất nhập khẩu T với số tiền 20.563.000.000 đồng (*hai mươi tỷ năm trăm sáu mươi ba triệu đồng*).

Kể từ ngày Công ty Thanh T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Bị đơn Công ty K chậm trả số tiền nêu trên thì phải trả lãi phát sinh trên số tiền chậm trả, tương ứng với thời gian chậm trả, tại thời điểm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

Đối với Văn bản thỏa thuận lập ngày 15/02/2023, ngày 06/3/2023 và Vi bằng số 19/2023/VB-TPLSD ngày 06/3/2023 được lập giữa Công ty Thanh T với Công ty K không còn giá trị pháp lý kể từ ngày các hợp đồng mua bán tài sản bị tuyên bố vô hiệu.

Công ty trách nhiệm hữu hạn Xuất nhập khẩu T có trách nhiệm bàn giao tài sản bảo đảm cho bên nhận bảo đảm V quản lý trong thời gian chờ xử lý tài sản bảo đảm và V được QSD, khai thác tài sản bảo đảm và có trách nhiệm bảo quản, giữ gìn tài sản bảo đảm theo quy định pháp luật (trừ trường hợp có thỏa thuận khác). Danh mục tài sản được ghi nhận tại Điều 2 của Hợp đồng thế chấp.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về án phí, chí phí thẩm định và quyền kháng cáo theo qui định.

Ngày 03/10/2024 Nguyên đơn Công ty C có đơn kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm đối với yêu cầu không được chấp nhận. Yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn cụ thể yêu cầu giao tài sản theo hợp đồng thuê giữa Công ty C với Công ty K để xử lý trừ vào số nợ.

Ngày 10/10/2024 Bị đơn Công ty K có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm. Cho rằng cấp sơ thẩm có vi phạm thủ tục tố tụng về xác định tư cách Nguyên đơn, về thụ lý yêu cầu khởi kiện và yêu cầu độc lập của các đương sự trong vụ án... Yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm để xét xử lại, hoặc sửa Bản án sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn và yêu cầu độc lập của Công ty Thanh T.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự giữ nguyên yêu cầu, người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm của Viện kiểm sát:

- Về tố tụng: Thẩm phán - chủ tọa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ông Huỳnh Hữu T, ông Ngô Hữu P, ông Võ Chí T3 vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, riêng Công ty N vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, tại phiên tòa là chấp hành chưa đúng quy định.

- Về nội dung: trên cơ sở xem xét tài liệu chứng cứ, cấp sơ thẩm:

Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa Công ty C và Công ty K về việc trả các khoản nợ gồm: gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn với tổng số tiền 7.431.042.156 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 29/9/2024 là phù hợp.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn V về việc yêu cầu buộc Công ty K trả các khoản nợ gồm: gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả lãi với tổng số tiền 30.911.352.122 đồng và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 29/9/2024. Trường hợp Công ty K không có khả năng thanh toán thì đề nghị phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho V là có căn cứ.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của Công ty Thanh T về việc yêu cầu hủy 03 Hợp đồng mua bán được ký kết giữa Công ty Thanh T với Công ty K ngày 06/3/2023 và buộc Công ty K có trách nhiệm trả lại cho Công ty Thanh T số tiền 20.563.000.000 đồng là có căn cứ.

Xét kháng cáo của Nguyên đơn Công ty C về việc xem xét tài sản thuê là có cơ sở để xem xét một phần đối với tài sản mà các bên thừa nhận tại kho Nguyên Loan vì chưa được làm rõ. Xét kháng cáo của Bị đơn Công ty K là không có cơ sở nên không chấp nhận.

Đề nghị bác yêu cầu kháng cáo của Bị đơn Công ty K. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Công ty C - Hủy Bản án sơ thẩm đối với phần tài sản cho thuê gồm: 03 Bô đài 800, 01 băng tải dài 748m và 01 cân tịnh gạo. Các phần khác của Bản án sơ thẩm được giữ nguyên.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn Công ty C, Công ty V khởi kiện yêu cầu Bị đơn Công ty K thanh toán số tiền nợ phát sinh từ hợp đồng thuê tài chính, hợp đồng tín dụng; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Thanh T yêu cầu tuyên bố Hợp đồng mua bán vô hiệu và trả lại tiền cho Công ty Thanh T do hợp đồng bị hủy. Công ty K có trụ sở tại khu vực Thới Bình 1, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ và vụ án tranh chấp phát sinh từ hợp đồng nên thuộc thẩm quyền giải quyết

của TAND quận T, thành phố Cần Thơ, theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Chí T3, ông Ngô Hữu P, Ông Huỳnh Hữu T đã có văn bản trình bày ý kiến và đơn yêu cầu vắng mặt tại các lần tòa mời tham gia tố tụng, xét xử vụ án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty N vắng mặt tại phiên Tòa không có lý do. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] *Xét yêu cầu của Nguyên đơn Công ty C, nhận thấy:*

Nguyên đơn Công ty C và bị đơn Công ty K đều thừa nhận Công ty K có ký hợp đồng mua bán tài sản số C2209487C2-PC ngày 10/11/2022 với Công ty C để bán các tài sản gồm máy móc thiết bị với giá 6.425.000.000 đồng, Công ty K đã trả trước cho Công ty C là 1.092.250.000 đồng. Sau khi lập hợp đồng mua bán thì cùng ngày Công ty K và Công ty C ký kết Hợp đồng cho thuê tài chính C2209487C2 để thuê lại các tài sản trên của Công ty C với giá trị thuê là 5.332.750.000 đồng. Thời hạn bắt đầu thuê ngày 14/11/2022. Vào ngày 25 hàng tháng, Công ty K phải thanh toán cho Công ty C tiền thuê, trong thời hạn 60 tháng bao gồm một phần vốn gốc và khoản tiền lãi được tính trên dư nợ giảm dần đến khi trả đủ số tiền vốn gốc mà Nguyên đơn tài trợ cùng các khoản lãi theo hợp đồng nhưng do Bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thuê theo thỏa thuận hợp đồng nên Nguyên đơn có Thông báo chấm dứt Hợp đồng thuê và thu hồi tài sản thuê ngày 03/4/2023. Công ty K chỉ thanh toán đến kỳ thanh toán 25/12/2022. Như vậy, Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ khi giao kết hợp đồng nên Nguyên đơn Thông báo chấm dứt hợp đồng và khởi kiện yêu cầu Bị đơn thanh toán tiền nợ thuê tài sản còn nợ và xử lý tài sản thuê được Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận đã đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng là có căn cứ chấp nhận, phù hợp Điều 21 và Điều 22 Nghị định 39/2014/NĐ-CP ngày 07/5/2014 của Chính phủ. Tại Điều 26.3.1 của hợp đồng các bên đã thỏa thuận nghĩa vụ của bên thuê tài sản khi chấm dứt hợp đồng trước hạn phải thanh toán đầy đủ tiền nợ gốc, tiền lãi thuê. Thỏa thuận này của các bên phù hợp Điều 35 Thông tư số 30/2015/TT-NHNN ngày 25/12/2015 của Ngân hàng nhà nước do đó Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn thanh toán toàn bộ tiền nợ gốc và tiền lãi thuê theo hợp đồng đã ký kết đến khi Bị đơn thanh toán xong số nợ là phù hợp với qui định pháp luật.

Tại phiên tòa, Bị đơn Công ty K tự nguyện thống nhất thỏa thuận về việc trả nợ cho Công ty C với tổng số tiền 7.431.042.156 đồng. Trong đó, nợ gốc là

4.813.981.580, lãi trong hạn đến ngày chấm dứt hợp đồng thuê 05/4/2023 là 1.811.842.389 đồng và lãi quá hạn tính từ ngày 05/4/2023 đến ngày 28/9/2024 là 805.218.187 đồng, cùng với số tiền lãi phát sinh tính từ ngày 29/9/2024 trên dư nợ gốc với mức lãi suất quá hạn thỏa thuận theo Hợp đồng cho thuê đã ký cho đến khi thanh toán dứt nợ gốc cho Công ty C. Đồng thời thống nhất thực hiện các nghĩa vụ khác nếu trường hợp Công ty K không thực hiện được việc trả nợ, theo ghi nhận tại bản tự khai ngày 28/9/2024 của Công ty C. Xét đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự không trái pháp luật nghĩ nên công nhận.

[3.2] Xét yêu cầu của Nguyên đơn V:

Nguyên đơn V yêu cầu Bị đơn Công ty K thanh toán số tiền nợ vay theo các Hợp đồng tín dụng do Công ty K vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Bảo Việt, cụ thể:

Hợp đồng tín dụng số 0035-2022-HĐTD1-BVB026 ngày 10/3/2022, hạn mức vay 7.600.000.000 đồng, Hợp đồng tín dụng số 0272-2022-HĐTD1-BVB026 ngày 19/10/2022, hạn mức vay 7.900.000.000 đồng, Hợp đồng tín dụng số 0192-2021-HĐTD1-BVB026 ngày 08/9/2021, hạn mức vay 20.000.000.000 đồng. Mục đích vay vốn để thanh toán mua máy móc thiết bị phục vụ cho nhà máy chế biến lúa gạo hoặc bù đắp chi phí mua máy móc thiết bị phục vụ cho nhà máy chế biến lúa gạo. Ngân hàng Bảo Việt đã giải ngân cho Công ty K qua 08 Khế ước nhận nợ với tổng số tiền 33.577.265.145 đồng, Công ty K đã trả cho ngân hàng Bảo Việt số tiền 8.163.203.000 đồng gốc. Do Bị đơn vi phạm thỏa thuận hợp đồng nên Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn trả tổng số tiền 30.344.236.592 đồng, lãi tạm tính đến ngày 14/8/2024 (trong đó: nợ gốc 25.414.062.145 đồng, lãi trong hạn 591.237.093 đồng, lãi quá hạn 4.279.685.113 đồng và lãi chậm trả 59.252.241 đồng).

Bị đơn Công ty K thừa nhận có ký kết các Hợp đồng tín dụng để vay tiền của Ngân hàng Bảo Việt nhưng vốn gốc còn nợ lại là 24.137.000.000 đồng, tại phiên tòa Công ty K cho rằng đã chuyển trả nhiều lần cho ngân hàng Bảo Việt với số tiền 20.563.000.000 đồng, về các khoản tiền lãi thống nhất nhưng không đồng trả, do tài sản thế chấp Công ty K không trực tiếp quản lý sử dụng và khai thác mà do Công ty Thanh T trực tiếp quản lý sử dụng và khai thác nên tiền lãi do Công ty Thanh T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng.

Xét các hợp đồng tín dụng, Ngân hàng Bảo Việt và Công ty K tại thời điểm ký kết giữa các bên tự nguyện, hình thức và nội dung của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật, không vi phạm điều cấm và không trái đạo đức xã hội nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên phù hợp với quy định tại các Điều 116, 117 và Điều 405 Bộ luật dân sự.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Bị đơn Công ty K đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi. Ngân hàng Bảo Việt đã nhiều lần làm việc đề yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng Bị đơn vẫn không thanh toán. Do đó, Ngân hàng đã khởi kiện Bị đơn đề yêu cầu trả nợ theo hợp đồng tín dụng. Chứng minh cho yêu cầu của mình, phía Nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án các văn bản như: Hợp đồng tín dụng, Phụ lục hợp đồng tín dụng, 08 khế ước nhận nợ ...; *Đối với Bị đơn, trong quá trình giải quyết vụ án đều thừa nhận và thống nhất với Ngân hàng có ký kết các Hợp đồng tín dụng, Phụ lục hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ với số tiền 33.577.265.145 đồng, đại diện Công ty đã thừa nhận nên xem đây là chứng cứ và không phải chứng minh, theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.* Tuy nhiên không thống nhất số tiền đã trả nợ gốc trong quá trình vay vốn, về việc này Ngân hàng Bảo Việt đã cung cấp cho Tòa án bản kê chi tiết các lần Công ty K chuyển trả tiền đối với từng khế ước nhận nợ, hợp đồng tín dụng, Bị đơn không có ý kiến và không chứng minh được số tiền đã trả nợ gốc còn lại là 24.137.000.000 đồng, số tiền đã chuyển trả cho Ngân hàng Bảo Việt 20.563.000.000 đồng, vì vậy có cơ sở xác định số tiền nợ gốc mà Bị đơn nợ Nguyên đơn còn lại là 25.414.062.145 đồng.

[3.3] *Xét về lãi suất cho vay:* Thể hiện qua các khế ước nhận nợ 8,5%/năm, lãi suất cố định trong suốt thời hạn khế ước nhận nợ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn đối với dư nợ gốc quá hạn, lãi suất chậm trả lãi bằng 10%/năm đối với lãi tiền vay chậm trả, kỳ thanh toán vào ngày 25 dương lịch hàng tháng. Thời hạn vay 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

Bị đơn đã nhận đủ các khoản tiền vay bằng hình thức chuyển khoản thông qua các khế ước là phù hợp với những quy định về nội dung, hình thức của hợp đồng và lãi suất vay được quy định tại các Điều 119 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Bị đơn Công ty K trong thời hạn vay không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền nợ gốc, lãi theo định kỳ khi đến hạn nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 5 của Hợp đồng tín dụng; Điều 1 Khế ước nhận nợ và Điều 351 Bộ luật Dân sự. Quá trình sử dụng vốn vay Công ty K đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận Hợp đồng tín dụng. Nay Nguyên đơn yêu cầu buộc Bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán cho Nguyên đơn với tổng số tiền tạm tính đến ngày 28/9/2024 là 30.911.352.122 đồng (trong đó: nợ gốc 25.414.062.145 đồng, lãi trong hạn 591.237.093 đồng, lãi quá hạn 4.839.511.418 đồng và lãi chậm trả lãi 66.541.466 đồng), bị đơn còn phải tiếp tục chịu số tiền lãi phát sinh tính từ ngày 29/9/2024 đến khi tất toán nợ cho V là phù hợp với thỏa thuận tại hợp đồng cấp tín dụng, khế ước nhận nợ nên yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Về tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả lãi, lãi phát sinh từ ngày 29/9/2024 Bị đơn cho rằng không có nghĩa vụ chịu mà nghĩa vụ đó thuộc về Công ty Thanh T do Công ty Thanh T là người trực tiếp quản lý sử dụng. Thấy rằng, Ngân hàng Bảo Việt và Công ty K ký kết hợp đồng tín dụng theo đó thể hiện rõ quyền, nghĩa vụ của mỗi bên, do Công ty K vi phạm hợp đồng nên phải có nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi phát sinh cho V là phù hợp, tuy Công ty Thanh T là người trực tiếp quản lý, sử dụng

tài sản thế chấp nhưng giữa Công ty Thanh T với Công ty K không có thỏa thuận về việc trả nợ lãi, cũng như không có sự đồng ý của Ngân hàng, vì vậy yêu cầu này của Bị đơn là không phù hợp nên không chấp nhận.

[3.4] Xét yêu cầu độc lập của Công ty Thanh T:

Nhận thấy Công ty Thanh T và Công ty K ký các Hợp đồng mua bán tài sản số 01, 02, 03 vào ngày 06/3/2023 để mua hệ thống dây chuyền, máy móc, thiết bị, máy xay xác lúa gạo, với tổng giá trị của 03 hợp đồng là 44.700.000.000 đồng, Công ty Thanh T đã thanh toán được 20.563.000.000 đồng, hiện Công ty Thanh T đã quản lý sử dụng tài sản mua bán, tuy nhiên các tài sản này Công ty K đã thế chấp để vay vốn tại Ngân hàng Bảo Việt, lẽ ra việc các bên ký kết các Hợp đồng này là vi phạm pháp luật và vô hiệu.

Nay Công ty Thanh T yêu cầu tuyên bố vô hiệu đối với 03 Hợp đồng mua bán tài sản và yêu cầu Công ty K trả lại số tiền 20.563.000.000 đồng mà Công ty Thanh T đã thanh toán, các bên không yêu cầu xác định lỗi để bồi thường thiệt hại xét đây là tự nguyện của các đương sự, phù hợp theo quy định tại Điều 122, 131 Bộ luật dân sự, nghĩ nên chấp nhận.

[3.5] Đối với Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Hữu P, ông Võ Chí T3, Ông Huỳnh Hữu T thể hiện tại Văn bản trình bày ý kiến ngày 15/7/2024 không có ý kiến và không yêu cầu liên quan đến việc tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản giữa Công ty Thanh T với Công ty K, nên cấp sơ thẩm không xem xét là phù hợp.

[3.6] Xét Hợp đồng thế chấp và tài sản thế chấp cho Ngân hàng Bảo Việt:

Nhận thấy Ngân hàng Bảo Việt với Công ty K thỏa thuận ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản số 1242679.A.22.HĐTC.CT ngày 10.3.2022 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp 1242679.A.22.HĐTC.CT ngày 10.3.2022; Hợp đồng thế chấp tài sản số 1242679.A.21.HĐTC.CT ngày 08.9.2021 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 1242679.A.21.HĐTC.CT ngày 08.9.2021; Hợp đồng thế chấp số 1242679.B.22.HĐTC.CT ngày 19.10.2022 (BL 325, 393, 477, 471) và tài sản thế chấp là toàn bộ hệ thống dây chuyền máy móc, thiết bị dùng trong nhà máy xay xác lúa gạo để bảo đảm cho các khoản vay theo các Khế ước nhận nợ của Bị đơn Công ty K là hoàn toàn tự nguyện, đã được công chứng và được Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận đã đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng là phù hợp với quy định tại các Điều 119, 292, 295, 319 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có hiệu lực pháp luật. Vì vậy, trong trường hợp này Nguyên đơn V được quyền xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ vay nếu Bị đơn không thanh toán nợ là đúng theo quy định tại các Điều 320, 322, 325 Bộ luật Dân sự 2015, do vậy yêu

cầu của Nguyên đơn về xử lý tài sản thế chấp trả cho các khoản vay của Bị đơn Công ty K là phù hợp được chấp nhận.

[3.7] *Xét quyền ưu tiên được thanh toán và tài sản Công ty C cho Công ty K thuê hiện do Công ty Thanh T quản lý, quyền quản lý tài sản thế chấp trong thời gian chờ Cơ quan nhà nước có thẩm quyền kê biên xử lý:*

Tòa án đã thành lập Hội đồng xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản tranh chấp. Tuy nhiên giữa các đương sự có ý kiến khác nhau về tài sản đã thế chấp, tài sản cho thuê qua kiểm tra thực tế tài sản đặt tại nhà máy xay xác lúa gạo do Công ty Thanh T quản lý, địa chỉ: Tỉnh lộ 852, ấp Tân Lập, xã Tân Quy Tây, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp. *Nhận thấy, qua kiểm tra thực tế tài sản thế chấp thì Ngân hàng Bảo Việt, Công ty K và Công ty Thanh T thống nhất xác định các tài sản thế chấp vẫn còn, đúng, đủ chủng loại như tại thời điểm thế chấp, về tài sản do Công ty C cho thuê thì Công ty C và Công ty K chỉ có 01 Bò đái 800, băng tải không kiểm tra được chiều dài nằm trên kho hiện do Công ty Thanh T quản lý, còn 02 Bò đái 800 và cân tịnh gạo nằm bên kho Nguyên Loan, nhưng Ngân hàng Bảo Việt không đồng ý và xác định tất cả tài sản nằm trên kho do Công ty Thanh T quản lý đều thuộc tài sản thế chấp. Thấy rằng, thỏa thuận thế chấp tài sản Ngân hàng Bảo Việt (bên nhận thế chấp) với Công ty K (bên thế chấp) theo các Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay cụ thể Hợp đồng thế chấp số 1242679.A.21.HĐTC.CT ngày 08/9/2021, tại khoản 11, Điều 2 ghi nhận tài sản thế chấp gồm “Bù đái (bò đái) 700, băng tải..., toàn bộ máy móc thiết bị và các phần nâng cấp, sửa chữa, gá lắp, bổ sung, cải tạo đã hoặc đang và sẽ xây dựng hoặc hình thành trong tương lai gắn liền với tài sản thế chấp và các trang thiết bị kèm theo đều thuộc Tài sản bảo đảm và là phần không thể tách rời của tài sản bảo đảm thuộc tài sản thế chấp theo Hợp đồng này”. Theo nội dung Giấy cam kết của Công ty K ngày 14/7/2022 với Ngân hàng Bảo Việt thì “không mang các tài sản đã thế chấp để đảm bảo nghĩa vụ khác, không cho thuê, không được mua bán, trao đổi, tặng cho, góp vốn hoặc bất kỳ hình thức nào khác đối với toàn bộ các máy móc thiết bị đặt tại nhà máy chế biến lúa gạo Khương Trinh nay do Công ty Thanh T quản lý (tỉnh lộ 852, ấp Tân Lợi B, xã Tân Quy Tây, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp) trừ trường hợp có văn bản đồng ý của BAOVIETBank” (BL 554). Cho thấy, Công ty K đã thế chấp các tài sản kể cả các phần gá lắp, sửa chữa, bổ sung (nếu có) nhưng lại tiếp tục thực hiện Hợp đồng mua bán và Hợp đồng thuê lại tài sản với Công ty Chailase số C2209487C2 ngày 10/11/2022 không có sự đồng ý bằng văn bản của Ngân hàng Bảo Việt là không phù hợp và trái với quy định pháp luật. Mặc khác, khi Công ty K thực hiện hợp đồng với Công ty C cũng không có văn bản thông báo, cho biết về việc tài sản đã thế chấp cho Ngân hàng Bảo Việt bao gồm các tài sản gá lắp, sửa chữa, bổ sung và xây dựng thêm hoặc hình thành trong tương lai, vì vậy lỗi hoàn toàn thuộc về phía Bị đơn Công ty K dẫn đến tài sản Công ty C cho thuê đều thuộc tài sản thế chấp cho Ngân hàng Bảo Việt. Do đó, để đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự, trong trường hợp Bị đơn không có khả năng thanh toán thì phát mãi tài sản thế chấp kể cả tài sản cho Công ty K thuê để ưu tiên thanh toán nợ cho V.*

Về tài sản thế chấp là hệ thống dây chuyền, máy móc thiết bị và đang được Công ty Thanh T trực tiếp quản lý, vận hành, nhằm để tài sản không bị hư hại và bảo đảm quyền lợi cho bên nhận bảo đảm Ngân hàng Bảo Việt nay là V, nên trong thời gian tài sản bảo đảm chưa bị xử lý, cần thiết giao tài sản cho bên nhận bảo đảm quản lý, khai thác, sử dụng hoặc cho phép bên bảo đảm hoặc ủy quyền cho người thứ ba khai thác sử dụng tài sản bảo đảm theo đúng tính năng và công dụng của tài sản và phải có trách nhiệm bảo quản, giữ gìn tài sản bảo đảm. Việc cho phép, ủy quyền hoặc xử lý hoa lợi, lợi tức phát sinh từ việc khai thác sử dụng tài sản bảo đảm phải được lập thành văn bản, theo quy định tại các Điều 52, 53 Nghị định 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ, là phù hợp theo quy định.

[3.8] ***Đối với tài sản thuê gồm 02 Bô dài 800 và Cân tịnh gao BDE-2007, công suất 1000bao/giờ***; Công ty C, Công ty K cho rằng đặt tại kho của Công ty N, Tòa án đã thông báo về việc tham gia tố tụng đối với Công ty N nhưng không có văn bản trình bày ý kiến và điều vắng mặt tại các lần Tòa mời tham gia tố tụng, Công ty C, Công ty K cho rằng tài sản thuê đặt trên kho của Công ty N nhưng không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh và không có đơn yêu cầu đề nghị Tòa xem xét giải quyết. Tại phiên tòa, Công ty C, Công ty K đề nghị Cơ quan thi hành án theo thẩm quyết giải quyết việc kê biên phát mãi các tài sản này, trường hợp có phát sinh tranh chấp sẽ tách ra giải quyết thành vụ án khác. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự nghĩ nên chấp nhận.

[4] Về yêu cầu kháng cáo của Công ty C yêu cầu được nhận các tài sản cho thuê theo Hợp đồng thuê tài sản ngày 10/11/2022 đã ký kết giữa Công ty C với Công ty K. Xét thấy nhận định tại mục [3.8] thì các tài sản này đang ở kho Nguyên Loan ***gồm 02 Bô dài 800 và Cân tịnh gao BDE-2007, công suất 1000bao/giờ*** được các bên thừa nhận tại phiên tòa sơ và phúc thẩm, thực tế tài sản này không liên quan đến tài sản thế chấp của Ngân hàng, do vậy các tài sản này sẽ được các bên tự thương lượng tại giai đoạn thi hành án. Đối với tài sản là ***01 Bô dài 800 và băng tải 748m là tài sản thuê nhưng đã thế chấp trước cho Ngân hàng, do đó Ngân hàng được quyền ưu tiên đối với tài sản này khi xử lý nợ***. Tại phiên tòa phúc thẩm Công ty C không cung cấp thêm chứng cứ mới nào khác nên không có cơ sở để xem xét, nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty C.

Về yêu cầu kháng cáo của Công ty K về việc nêu ra tại phiên tòa phúc thẩm cho rằng cấp sơ thẩm xem xét đánh giá chứng cứ chưa đúng qui định có thiếu sót về tố tụng đề nghị hủy Bản án sơ thẩm hoặc sửa Bản án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn và yêu cầu của Công ty Thanh T. Xét thấy trên cơ sở khởi kiện, phản tố, yêu cầu độc lập của các bên cấp sơ thẩm xác định về tư cách các Nguyên đơn, Bị đơn và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đúng qui định, về thủ tục tố tụng của Bản án sơ thẩm tiến hành đầy đủ theo qui định không có sai sót, nhận định đánh giá chứng cứ của cấp sơ là đúng trình tự thủ tục tố tụng qui định, xem xét và quyết định về mặt nội dung tranh chấp phù hợp với qui định pháp luật. Bị đơn kháng cáo nhưng không có chứng cứ gì mới so với chứng cứ

cung cấp tại tòa sơ thẩm nên không có cơ sở để xem xét, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Bị đơn.

Do vậy không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Nguyên đơn Cty Chailease và Bị đơn Công ty K. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Tuy nhiên có điều chỉnh câu từ trong phần quyết định của Bản án sơ thẩm cho phù hợp với thực tế đảm bảo cho việc thi hành án.

[5] *Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ*: Chi phí hết 13.000.000 đồng, do yêu cầu Nguyên đơn được chấp nhận nên Bị đơn phải chịu chi phí này. Nguyên đơn Công ty C và Ngân hàng Bảo Việt mỗi bên đã tạm ứng trước 6.500.000 đồng nên Bị đơn phải có trách nhiệm nộp trả lại Nguyên đơn.

[6] *Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm*: Bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch đối với nghĩa vụ phải thanh toán cho Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Nguyên đơn V, Công ty C, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty Thanh T được nhận lại tiền tạm ứng án phí.

[7] *Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm*: Do yêu cầu kháng cáo của Nguyên đơn Công ty C không được chấp nhận nên phải chịu án phí. Do yêu cầu kháng cáo của Bị đơn không được chấp nhận nên phải chịu án phí.

[8] *Quan điểm của Viện kiểm sát*: Nhận xét và đề nghị của kiểm sát viên phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hình thức: Chấp nhận đơn kháng cáo hợp lệ của Nguyên đơn Công ty cho thuê tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Chailease và đơn kháng cáo hợp lệ của Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên K.

- Về nội dung: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Nguyên đơn Công ty cho thuê tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Chailease và yêu cầu kháng cáo của Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên K.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm;

1. Công nhận sự thỏa thuận của Nguyên đơn Công ty cho thuê tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Chailease với Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên K.

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên K có trách nhiệm thanh toán cho Công ty cho thuê tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Chailease số

tiền tạm tính đến ngày 28/9/2024 là 7.431.042.156 đồng. Trong đó: nợ gốc 4.813.981.580 đồng, nợ lãi trong hạn 1.811.842.389 đồng, nợ lãi quá hạn 805.218.187 đồng. Bị đơn còn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn trên dư nợ gốc theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tính từ ngày 29/9/2024 cho đến khi Bị đơn thanh toán xong khoản nợ gốc cho Nguyên đơn.

Trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên K không có khả năng thanh toán số tiền nêu trên, thì đề nghị Chi cục thi hành án dân sự theo thẩm quyền kê biên phát mãi tài sản thuê là 01 Bò đai 800, băng tải 748m, để thu hồi nợ cho Nguyên đơn Công ty C. Việc phát mãi tài sản thuê chỉ được thực hiện sau khi Công ty K hoàn thành nghĩa vụ thanh toán nợ cho Nguyên đơn V.

Trong trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên K không thanh toán được số tiền nợ còn lại sau khi đã thanh lý tài sản thuê thì bà Huỳnh Thị T, ông Nguyễn An K là Bên bảo lãnh có nghĩa vụ thay Bên được bảo lãnh là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên K thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trong Hợp đồng cho thuê tài chính số C2209487C2, ngày 10/11/2022 theo thỏa thuận ký kết.

Đối với tài sản thuê gồm 02 Bò đai 800 và Cân tịnh gạo BDE-2007, công suất 1000bao/giờ giữa Công ty K và Công ty C, thì các bên thỏa thuận đề nghị Chi cục thi hành án dân sự theo thẩm quyền kê biên phát mãi để thu hồi nợ cho Công ty C (tại kho Nguyên Loan). Trường hợp có phát sinh tranh chấp sẽ được tách giải quyết thành vụ án khác khi có yêu cầu.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q (V).

Buộc Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên K có trách nhiệm thanh toán cho Nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q với tổng số tiền tạm tính đến ngày 28/9/2024 là 30.911.352.122 đồng. Trong đó: nợ gốc 25.414.062.145 đồng, lãi trong hạn 591.237.093 đồng, lãi quá hạn 4.839.511.418 đồng và lãi chậm trả lãi 66.541.466 đồng, bị đơn còn phải tiếp tục chịu số tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng tính từ ngày 29/9/2024 đến khi tất toán nợ cho V.

Trường hợp Bị đơn không có khả năng thanh toán số nợ trên, thì Nguyên đơn có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 1242679.A.22.HĐTC.CT ngày 10/3/2022, Hợp đồng thế chấp số 1242679.B.22.HĐTC.CT ngày 19/10/2022, Hợp đồng thế chấp số 1242679.A.21.HĐTC.CT ngày 08/9/2021 để thu hồi nợ cho Nguyên đơn V (Danh mục tài sản thế chấp ghi nhận tại Điều 2 của Hợp đồng thế chấp).

Nếu số tiền phát mãi tài sản thế chấp không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên K phải có nghĩa vụ tiếp tục trả số tiền nợ còn lại cho Nguyên đơn V đến khi tất toán toàn bộ khoản nợ vay.

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty trách nhiệm hữu hạn Xuất nhập khẩu T.

Tuyên bố hợp đồng mua bán số 01/HĐMB-KT-TT ngày 06/3/2023; số 02/HĐMB-KT-TT ngày 06/3/2023; số 03/HĐMB-KT-TT ngày 06/3/2023 được ký kết giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên K với Công ty trách nhiệm hữu hạn Xuất nhập khẩu T là vô hiệu.

Buộc Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên K có trách nhiệm thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Xuất nhập khẩu T với số tiền 20.563.000.000 đồng (*hai mươi tỷ năm trăm sáu mươi ba triệu đồng*).

Kể từ ngày Công ty Thanh T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Bị đơn Công ty K chậm trả số tiền nêu trên thì phải trả lãi phát sinh trên số tiền chậm trả, tương ứng với thời gian chậm trả, tại thời điểm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

Đối với Văn bản thỏa thuận lập ngày 15/02/2023, ngày 06/3/2023 và Vi bằng số 19/2023/VB-TPLSD ngày 06/3/2023 được lập giữa Công ty Thanh T với Công ty K không còn giá trị pháp lý kể từ ngày các hợp đồng mua bán tài sản bị tuyên bố vô hiệu.

Công ty trách nhiệm hữu hạn Xuất nhập khẩu T có trách nhiệm bàn giao tài sản bảo đảm cho bên nhận bảo đảm V quản lý trong thời gian chờ xử lý tài sản bảo đảm và V được QSD, khai thác tài sản bảo đảm và có trách nhiệm bảo quản, giữ gìn tài sản bảo đảm theo quy định pháp luật (trừ trường hợp có thỏa thuận khác). Danh mục tài sản được ghi nhận tại Điều 2 của Hợp đồng thế chấp.

4. Về chi phí tố tụng và án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- *Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ*: Bị đơn phải chịu 13.000.000 đồng, mỗi Nguyên đơn đã tạm nộp trước số tiền 6.500.000 đồng nên Bị đơn có trách nhiệm nộp trả lại cho Nguyên đơn.

- *Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm*:

Nguyên đơn V được nhận lại số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0004157 ngày 17/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận T.

Nguyên đơn Công ty C được nhận lại số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0003957, ngày 08/6/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận T.

Bị đơn Công ty K phải nộp 166.905.349 đồng (*một trăm sáu mươi sáu triệu chín trăm lẻ năm ngàn ba trăm bốn mươi chín đồng*) tại Chi cục thi hành án dân sự quận T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Thanh T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số 0005378, ngày 24/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận T.

5. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Nguyên đơn Công ty C phải nộp 2.000.000 đồng, chuyển số tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số 0005682 ngày 17/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận T thành án phí (nộp xong). Bị đơn Công ty K phải nộp 2.000.000 đồng chuyển số tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số 0005626 ngày 11/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận T thành án phí (nộp xong).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 24/4/2024.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thùy Trang – Lê Thị Minh Trang

Phan Thị Hồng Dung

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *TAND Q. Thốt Nốt;*
- *CC THADS Q. Thốt Nốt;*
- *VKSND TP. Cần Thơ.*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Hồng Dung